

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 58/2024/HC-ST

Ngày: 13-5-2024

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tám

Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 23/2024/TLST-HC, ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Hẻm C đường Đ, thôn X, xã P, TP., tỉnh Bình Thuận;

- Người bị kiện: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chi nhánh Văn phòng Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ.

2/ Ủy ban nhân dân thành phố P;

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị N; Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 07/12/2023 bà Nguyễn Thị N có chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793560 do UBND thành phố P cấp ngày 21/11/2014, cập nhật biến động vào ngày 31/01/2018 và ngày 02/4/2018 cho bà Nguyễn Thị P thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Q công chứng vào ngày 07/12/2023; số công chứng 003997 quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Cùng ngày 07/12/2023, bà Nguyễn Thị P nộp hồ sơ đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực. Đến ngày 18/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT, với nội dung hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P. Sau khi nhận được Thông báo trên, bà P đã liên hệ với bà N để hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/12/2023. Đồng thời yêu cầu bà N trả lại toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng và phải nộp cho bà P một khoản tiền phạt do không thể sang tên đúng thời hạn theo thỏa thuận của hai bên khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 03/01/2024 bà N có làm đơn gửi đến Chi nhánh Văn phòng Đ đề nghị thông tin rõ vì sao từ chối hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất của bà N và bà P hay là từ chối đối với tất cả các hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất của bà N đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² nêu trên.

Ngày 04/01/2024 Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT về việc cung cấp thông tin thửa đất của bà Nguyễn Thị N, trong đó có nội dung tạm dừng thủ tục hành chính về việc chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Nhận thấy việc từ chối giải quyết hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất của bà N là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết: Hủy Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT, ngày 04/01/2024 và Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ, buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ có ý kiến tại Công văn số 1846/CNVPĐKĐĐPT-TTTLT ngày 27/02/2024 như sau:

Ngày 07/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ có tiếp nhận hồ sơ cập nhật chỉnh lý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P tại biên nhận số 2023-20455/TNHS. Bà Nguyễn Thị P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 003997, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2023 tại Văn phòng C, đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793560 do UBND thành phố P cấp ngày 21/11/2014 cho ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị N, cập nhật tặng cho bà Nguyễn Thị N ngày 02/4/2018.

Thửa đất số 698, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận số BS 793560 có nguồn gốc được tách thửa từ thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02, diện tích 500m² đất ở tại nông thôn và 580m² đất trồng cây lâu năm thuộc giấy chứng nhận số Đ 798124 do UBND thành phố P cấp ngày 01/7/2004. Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ thì phần diện tích 500m² đất ở tại nông thôn của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận số Đ 798124 có nguồn gốc được chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn theo Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất (quy hoạch là đất nông nghiệp) theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B. Do đó, Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện theo nội dung chỉ đạo tại Thông báo số 387/TB-UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố P, ban hành công văn số 4046/CNVPĐKĐĐPT ngày 20/7/2020, xin ý kiến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với các hồ sơ liên quan đến đất được chuyển mục đích trước đây chưa đảm bảo theo quy định.

Ngày 03/9/2020, Chi nhánh Văn phòng Đ nhận được Công văn phúc đáp số 1981/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 31/8/2020, của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, nội dung văn bản thể hiện: “Liên quan đến nội dung vướng mắc của Chi nhánh Văn phòng Đ, UBND thành phố P đã có báo cáo số 275/BC-UBND, ngày 04/8/2020 báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện và khắc phục các sai phạm trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng theo Kết luận Thanh tra số 1696KL-UBND, ngày 16/5/2019, của Chủ tịch UBND tỉnh B. Sau khi UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc theo đề xuất của UBND thành phố P thì thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh”. Đồng thời ngày 22/3/2023, Chi nhánh Văn phòng có công văn số 2120/CNVPĐKĐĐPT, gửi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B và UBND thành phố P, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo liên quan đến chuyển mục đích sai quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013, của UBND tỉnh B (nằm ngoài danh sách 132 trường hợp).

Ngày 30/11/2023, UBND tỉnh B ban hành Công văn số 4721/UBND-KT về việc ý kiến về nội dung báo cáo và đề nghị của Sở T tại Công văn số 5523/STNMT-CCQLĐĐ ngày 20/11/2023: “...3 *Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các quy định pháp luật về đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành, có văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các thủ tục đất đai theo đúng quy định.*”

Như vậy, hiện nay Chi nhánh Văn phòng vẫn chưa nhận được ý kiến chỉ đạo giải quyết hồ sơ của cấp có thẩm quyền liên quan đến vướng mắc các trường hợp hồ sơ đã chuyển mục đích chưa đảm bảo theo quy định. Do đó, ngày 18/12/2023, Chi nhánh Văn phòng đã ban hành Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT, về việc hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P. Sau khi các cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc của Chi nhánh V thì Chi nhánh Văn phòng Đ sẽ thông báo lại cho bà Nguyễn Thị P được biết và phối hợp thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

Tại Công văn số 527/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 01/3/2024, người bị kiện là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B trình bày: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B thống nhất ý kiến tại Công văn số 1846/CNVPĐKĐĐPT-TTTLT ngày 27/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố P không có văn bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tòa án xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc khởi kiện của người khởi kiện là còn thời hiệu; TAND tỉnh Bình Thuận giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Tuyên hủy Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT ngày 04/01/2024 và Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ. Buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện; vắng mặt

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Ủy ban nhân dân thành phố P và Chi nhánh Văn phòng Đ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hủy Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT ngày 04/01/2024 Chi nhánh Văn phòng Đ về việc cung cấp thông tin thửa đất của bà Nguyễn Thị N. Xét thấy Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ có liên quan đến Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT và tại phiên tòa, người khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT nên được xác định là quyết định hành chính có liên quan. Bởi: cả 02 văn bản trên đều chứa đựng nội dung dừng giải quyết và trả hồ sơ chuyển nhượng đất từ bà N sang bà P, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà N. Như vậy đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì khiếu kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Bình Thuận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT được ban hành ngày 04/01/2024. Ngày 05/01/2024, bà N khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ nội dung xác nhận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 793560 do UBND thành phố P cấp ngày 21/11/2014, đã được cập nhật biến động vào ngày 31/01/2018 và ngày 02/4/2018 thì thửa đất số 698, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị N. Sau khi được chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì bà N đã xin giấy phép xây dựng và tiến hành xây nhà cấp 4 diện tích 120m² ở cho đến nay.

Ngày 07/12/2023, bà N đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị P theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, bà P đã kê khai đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và nộp hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng Đ để thực hiện thủ tục đăng ký cập nhật biến động thửa đất nêu trên. Ngày 18/12/2023, Chi nhánh văn phòng Đ ban hành Công văn số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P với lý do, diện tích đất ở của thửa đất có nguồn gốc chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không phù hợp quy hoạch, cần chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính về cấp mới, cấp đổi và chuyển

quyền sử dụng đất thì ngày 20/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đ đã ban hành Văn bản số 4046/CNVPĐKĐDPT báo cáo về sai sót trong việc cho chuyển mục đích đất ở trên địa bàn thành phố P không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B, kèm theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 nhưng đến nay UBND thành phố P vẫn không có ý kiến về việc xử lý các sai sót trong việc cho chuyển mục đích đất ở mà Chi nhánh Văn phòng Đ đã kiến nghị.

Theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013, quy định về đình chính, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm đình chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Có sai sót thông tin về tên gọi, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân, địa chỉ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận của người đó;

b) Có sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với hồ sơ kê khai đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan đăng ký đất đai kiểm tra xác nhận.

2. Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất trên Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Khoản 1 Điều 167 và khoản 1 Điều 168 Luật đất đai, quy định: *Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất, ... khi có giấy chứng nhận...; Trường hợp người sử dụng đất được chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện các quyền.*

- Khoản 1 Điều 188 Luật đất đai, quy định người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng

cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này;

b) Đất không có tranh chấp;

c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

d) Trong thời hạn sử dụng đất.

- Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01 ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014 như sau:

b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;

c) Trường hợp người sử dụng đất phát hiện giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì gửi kiến nghị bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có trách nhiệm kiểm tra, xem xét quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Căn cứ vào các quy định pháp luật viện dẫn nêu trên, thấy rằng: việc thực hiện quyền nhận chuyển nhượng thừa đất nêu trên giữa bà N và bà P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 167, khoản 1 Điều 168, điểm b khoản 1 Điều 169, khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Hơn nữa, việc nhận chuyển nhượng thừa đất nêu trên không làm thay đổi hiện trạng, diện tích, mục đích sử dụng đất. Do đó, việc Chi nhánh Văn phòng Đ không thực hiện thủ tục hành chính giải quyết hồ sơ nhận chuyển nhượng thừa đất nêu trên là HVHC trái pháp luật. Đồng thời ban hành Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 và Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT ngày 04/01/2024 có nội dung tạm ngưng việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 793560 của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ pháp luật, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người sử dụng đất nên cần tuyên hủy là phù hợp.

Mặc khác, việc chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp quy hoạch sử dụng đất không phải do lỗi của người sử dụng đất.

Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có

căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Khoản 7 Điều 22, điểm c khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 168, khoản 1 Điều 188 Luật đất đai; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

- Hủy Thông báo số 1839/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh văn phòng Đ;

- Hủy Văn bản số 140/CNVPĐKĐĐPT ngày 04/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Văn phòng đăng ký đất tỉnh Bình Thuận và Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000118 ngày 18/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Văn phòng đăng ký đất tỉnh Bình Thuận, Chi nhánh Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân thành phố P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND cấp cao;
- Cục THA tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu